

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC SÀI GÒN VINA
BẢNG GIÁ CĂN HỘ CAO CẤP PHÚ HOÀNG ANH - Giai đoạn 1

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 179 ngày 02/10/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty EVN LAND SÀI GÒN

STT	MÃ CĂN HỘ	BLOCK	TẦNG	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH PHỦ BÌ (m ²)	GIÁ BÁN CHƯA VAT (đã bao gồm phí dịch vụ chuyển nhượng)	THÀNH TIỀN (chưa VAT)	KHOẢN GIẢM TRỪ KHI THANH TOÁN NGAY 40%
1	02-05-A1	2	5	A1	88.77	21,600,000	1,917,432,000	17,667,360
2	02-06-A1	2	6	A1	88.77	21,700,000	1,926,309,000	17,667,360
3	02-06-A2	2	6	A2	87.78	21,700,000	1,904,826,000	17,470,327
4	02-06-B1	2	6	B1	128.13	21,700,000	2,780,421,000	25,501,945
5	02-06-B2	2	6	B2	127.24	21,600,000	2,748,384,000	25,565,000
6	02-06-C1	2	6	C1	129.79	21,700,000	2,816,443,000	25,831,000
7	02-06-C2	2	6	C2	128.26	21,600,000	2,770,416,000	25,768,637
8	02-07-A1	2	7	A1	88.77	21,800,000	1,935,186,000	17,667,360
9	02-07-A2	2	7	A2	87.78	21,800,000	1,913,604,000	17,470,327
10	02-07-B1	2	7	B1	128.13	21,800,000	2,793,234,000	25,501,945
11	02-07-B2	2	7	B2	127.24	21,700,000	2,761,108,000	25,565,000
12	02-07-C1	2	7	C1	129.79	21,800,000	2,829,422,000	25,831,000
13	02-07-C2	2	7	C2	128.26	21,700,000	2,783,242,000	25,768,637
14	02-08-A1	2	8	A1	88.77	21,900,000	1,944,063,000	17,667,360
15	02-08-B1	2	8	B1	128.13	21,900,000	2,806,047,000	25,501,945
16	02-08-B2	2	8	B2	127.24	21,800,000	2,773,832,000	25,565,000
17	02-08-C1	2	8	C1	129.79	21,900,000	2,842,401,000	25,831,000
18	02-08-C2	2	8	C2	128.26	21,800,000	2,796,068,000	25,768,637
19	02-09-A1	2	9	A1	88.77	21,900,000	1,944,063,000	17,667,360
20	02-09-A2	2	9	A2	87.78	21,900,000	1,922,382,000	17,470,327
21	02-09-B1	2	9	B1	128.13	21,900,000	2,806,047,000	25,501,945
22	02-09-B2	2	9	B2	127.24	21,800,000	2,773,832,000	25,565,000
23	02-09-C1	2	9	C1	129.79	21,900,000	2,842,401,000	25,831,000
24	02-09-C2	2	9	C2	128.26	21,800,000	2,796,068,000	25,768,637
25	02-10-A1	2	10	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
26	02-10-A2	2	10	A2	87.78	22,000,000	1,931,160,000	17,470,327
27	02-10-B1	2	10	B1	128.13	22,000,000	2,818,860,000	25,501,945
28	02-10-B2	2	10	B2	127.24	21,900,000	2,786,556,000	25,565,000
29	02-10-C1	2	10	C1	129.79	22,000,000	2,855,380,000	25,831,000
30	02-10-C2	2	10	C2	128.26	21,900,000	2,808,894,000	25,768,637
31	01-05-A1	1	5	A1	88.77	21,500,000	1,908,555,000	17,667,360
32	01-05-B1	1	5	B1	128.13	21,600,000	2,767,608,000	25,501,945
33	01-05-B2	1	5	B2	128.45	21,600,000	2,774,520,000	25,567,633
34	01-05-C1	1	5	C1	129.79	21,600,000	2,803,464,000	25,831,000
35	01-05-C2	1	5	C2	129.47	21,500,000	2,783,605,000	25,767,637
36	01-06-A1	1	6	A1	88.77	21,600,000	1,917,432,000	17,667,360
37	01-06-A2	1	6	A2	87.78	21,700,000	1,904,826,000	17,470,327
38	01-06-B2	1	6	B2	128.45	21,700,000	2,787,365,000	25,567,633
39	01-06-C1	1	6	C1	129.79	21,700,000	2,816,443,000	25,831,000

STT	MÃ CĂN HỘ	BLOCK	TẦNG	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH PHỦ BÌ (m2)	GIÁ BÁN CHƯA VAT (đã bao gồm phí dịch vụ chuyển nhượng)	THÀNH TIỀN (chưa VAT)	KHOẢN GIẢM TRỪ KHI THANH TOÁN NGAY 40%
40	01-06-C2	1	6	C2	129.47	21,600,000	2,796,552,000	25,767,637
41	01-07-A1	1	7	A1	88.77	21,700,000	1,926,309,000	17,667,360
42	01-07-A2	1	7	A2	87.78	21,800,000	1,913,604,000	17,470,327
43	01-07-B1	1	7	B1	128.13	21,800,000	2,793,234,000	25,501,945
44	01-07-B2	1	7	B2	128.45	21,800,000	2,800,210,000	25,567,633
45	01-07-C1	1	7	C1	129.79	21,800,000	2,829,422,000	25,831,000
46	01-07-C2	1	7	C2	129.47	21,700,000	2,809,499,000	25,767,637
47	01-08-A1	1	8	A1	88.77	21,800,000	1,935,186,000	17,667,360
48	01-08-A2	1	8	A2	87.78	21,900,000	1,922,382,000	17,470,327
49	01-08-B1	1	8	B1	128.13	21,900,000	2,806,047,000	25,501,945
50	01-08-B2	1	8	B2	128.45	21,900,000	2,813,055,000	25,567,633
51	01-08-C1	1	8	C1	129.79	21,900,000	2,842,401,000	25,831,000
52	01-08-C2	1	8	C2	129.47	21,800,000	2,822,446,000	25,767,637
53	01-11-A2	1	11	A2	87.78	22,000,000	1,931,160,000	17,470,327
54	01-11-B1	1	11	B1	128.13	22,000,000	2,818,860,000	25,501,945
55	01-11-B2	1	11	B2	128.45	22,000,000	2,825,900,000	25,567,633
56	01-11-C1	1	11	C1	129.79	22,000,000	2,855,380,000	25,831,000
57	01-11-C2	1	11	C2	129.47	21,900,000	2,835,393,000	25,767,637
58	01-14B-A1	1	14B	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
59	01-14B-A2	1	14B	A2	87.78	22,100,000	1,939,938,000	17,470,327
60	01-14B-B1	1	14B	B1	128.13	22,100,000	2,831,673,000	25,501,945
61	01-14B-B2	1	14B	B2	128.45	22,100,000	2,838,745,000	25,567,633
62	01-14B-C1	1	14B	C1	129.79	22,100,000	2,868,359,000	25,831,000
63	01-14B-C2	1	14B	C2	129.47	22,000,000	2,848,340,000	25,767,637
64	01-16-A1	1	16	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
65	01-16-A2	1	16	A2	87.78	22,100,000	1,939,938,000	17,470,327
66	01-16-B1	1	16	B1	128.13	22,100,000	2,831,673,000	25,501,945
67	01-16-B2	1	16	B2	128.45	22,100,000	2,838,745,000	25,567,633
68	01-16-C1	1	16	C1	129.79	22,100,000	2,868,359,000	25,831,000
69	01-16-C2	1	16	C2	129.47	22,000,000	2,848,340,000	25,767,637
70	01-17-A1	1	17	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
71	01-17-A2	1	17	A2	87.78	22,100,000	1,939,938,000	17,470,327
72	01-17-B1	1	17	B1	128.13	22,100,000	2,831,673,000	25,501,945
73	01-17-B2	1	17	B2	128.45	22,100,000	2,838,745,000	25,567,633
74	01-17-C1	1	17	C1	129.79	22,100,000	2,868,359,000	25,831,000
75	01-17-C2	1	17	C2	129.47	22,000,000	2,848,340,000	25,767,637
76	01-18-A1	1	18	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
77	01-18-A2	1	18	A2	87.78	22,200,000	1,948,716,000	17,470,327
78	01-18-B1	1	18	B1	128.13	22,200,000	2,844,486,000	25,501,945
79	01-18-B2	1	18	B2	128.45	22,200,000	2,851,590,000	25,567,633
80	01-18-C1	1	18	C1	129.79	22,200,000	2,881,338,000	25,831,000
81	01-18-C2	1	18	C2	129.47	22,000,000	2,848,340,000	25,767,637
82	01-19-A1	1	19	A1	88.77	22,000,000	1,952,940,000	17,667,360
83	01-19-A2	1	19	A2	87.78	22,200,000	1,948,716,000	17,470,327

STT	MÃ CĂN HỘ	BLOCK	TẦNG	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH PHỦ BÌ (m2)	GIÁ BÁN CHƯA VAT (đã bao gồm phí dịch vụ chuyển nhượng)	THÀNH TIỀN (chưa VAT)	KHOẢN GIẢM TRỪ KHI THANH TOÁN NGAY 40%
84	01-19-B1	1	19	B1	128.13	22,200,000	2,844,486,000	25,501,945
85	01-19-B2	1	19	B2	128.45	22,200,000	2,851,590,000	25,567,633
86	01-19-C1	1	19	C1	129.79	22,200,000	2,881,338,000	25,831,000
87	01-19-C2	1	19	C2	129.47	22,000,000	2,848,340,000	25,767,637

STT	MÃ CĂN HỘ	BLOCK	TẦNG	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH PHỦ BÌ (m2)	GIÁ BÁN CHƯA VAT (đã bao gồm phí dịch vụ chuyển nhượng)	THÀNH TIỀN (chưa VAT)	KHOẢN GIẢM TRỪ KHI THANH TOÁN NGAY 95%
1	01-12-A1	1	12	A1	88.77	21,900,000	1,944,063,000	100,063,414
2	01-12-A2	1	12	A2	87.78	22,000,000	1,931,160,000	98,606,274
3	01-12-B1	1	12	B1	128.13	22,000,000	2,818,860,000	149,677,882
4	01-12-C1	1	12	C1	129.79	22,000,000	2,855,380,000	145,839,929

Ghi chú: - Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT), 2% phí duy tu bảo dưỡng căn hộ và các khoản phí, lệ phí khác và có giá trị theo từng đợt bán hàng.

- Phí dịch vụ cho từng căn hộ vui lòng gọi điện thoại đến Sàn Giao dịch EVN LAND SAIGON hoặc các Đại lý phân phối sản phẩm căn hộ Phú Hoàng Anh của Công ty chúng tôi.

- Bảng giá có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2009 cho đến khi có quyết định khác.

TPHCM, ngày 30 tháng 09 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

NGUYỄN QUANG HIỂN